

**TOÀ ÁN ND HUYỆN NGA SƠN  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/DS-ST

Ngày: 27-8-2020

V/v: tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGA SƠN, TỈNH THANH HÓA**

**- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Huệ

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Trịnh Thị Yên

2. Bà Nguyễn Thị Minh

**- *Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

**- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn tham gia phiên tòa:***  
Ông Phạm Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 15/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 5 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXX-ST ngày 16 tháng 7 năm 2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2020/QĐST-DS, ngày 06 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, bán đảo Linh Đàm, quận Hoàng Mai, TP.Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T- Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cù Minh T - Chức vụ: Giám đốc phòng giao dịch NHCS huyện Nga Sơn;

- Người được ủy quyền: Ông Nguyễn Việt D - Chức vụ: Phó Giám đốc phòng giao dịch NHCS huyện Nga Sơn;

Địa chỉ: Thị trấn Nga Sơn, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (có mặt);

\* Bị đơn: Bà Yên Thị T - Sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn Thượng (Thôn 4 cũ), xã Nga T, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (có mặt);

\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Vũ Văn Đ (Vũ Quang Đ) - Sinh năm: 1960;

Địa chỉ: Thôn Thượng (Thôn 4 cũ), xã Nga T, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt);

- Anh Vũ Văn Đ - Sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn Thượng (Thôn 4 cũ), xã Nga T, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt);

- Anh Vũ Văn Q - Sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn Thượng (Thôn 4 cũ), xã Nga T, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt);
- Chị Vũ Diễm H - Sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Thượng (Thôn 4 cũ), xã Nga T, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt);
- Chị Vũ Việt T - Sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn Thượng (Thôn 4 cũ), xã Nga T, huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2020, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Căn cứ vào các hợp đồng vay vốn, cụ thể:

- Theo Hợp đồng vay vốn số 6000002700040353 ngày 08/11/2007, Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nga Sơn đã giải ngân cho hộ bà Yên Thị T vay số tiền 31.200.000đ; lãi suất 0,5%/tháng; thời hạn vay là 108 tháng; hạn trả nợ là ngày 08/11/2016 từ nguồn vốn cho học sinh, sinh viên để cho ông Vũ Văn Đ chi phí cho việc học tập. Đến thời hạn trả nợ cuối cùng, Ngân hàng đã gia hạn nhiều lần nhưng gia đình bà T không có động thái trả nợ. Ngày 08/3/2018, số tiền bà T còn nợ đã chuyển nợ quá hạn là 17.200.000đ. Số tiền lãi trong hạn tính từ ngày 08/11/2007 đến ngày 08/3/2018 phải nộp là 14.085.379đ; từ ngày 08/3/2018 đến ngày 27/8/2020, lãi quá hạn là 2.614.927đ. Tổng lãi phải nộp là 16.700.306đ; đã thanh toán 13.502.177đ; số tiền lãi còn nợ là: 3.198.129đ;

- Theo Hợp đồng vay vốn số 6000002700040354 ngày 09/3/2011, Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nga Sơn đã giải ngân cho hộ bà Yên Thị T vay số tiền 25.000.000đ; lãi suất 0,5%/tháng; thời hạn vay là 84 tháng; hạn trả nợ là ngày 08/12/2017 từ nguồn vốn cho học sinh sinh viên để chi phí cho việc học tập của anh Vũ Văn Q. Đến thời hạn trả nợ cuối cùng, Ngân hàng đã gia hạn nhiều lần nhưng gia đình bà T không có động thái trả nợ. Ngày 08/01/2018, số tiền bà T còn nợ đã chuyển nợ quá hạn là 20.000.000đ. Số tiền lãi trong hạn tính từ ngày 09/3/2011 đến ngày 08/01/2018 phải nộp là 10.686.618; từ ngày 08/01/2018 đến ngày 27/8/2020 lãi quá hạn là 3.845.170đ. Tổng lãi phải nộp là 14.531.788đ; đã thanh toán 10.087.082đ; số lãi còn nợ là: 4.444.706đ;

- Theo Hợp đồng vay vốn số 6600000702360583 ngày 15/9/2014, Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nga Sơn đã giải ngân cho hộ bà Yên Thị T vay số tiền 30.000.000đ; lãi suất 0,72%/tháng; thời hạn vay là 36 tháng; hạn trả nợ là ngày 08/9/2017 từ nguồn vốn cho Hộ cận nghèo để sử dụng mục đích mua bò. Đến thời hạn trả nợ cuối cùng, Ngân hàng đã gia hạn nhiều lần nhưng gia đình bà T không có động thái trả nợ. Ngày 08/3/2018, số tiền bà T còn nợ đã chuyển nợ quá hạn là 30.000.000đ. Số tiền lãi trong hạn tính từ ngày 15/9/2014 đến ngày 08/9/2017 phải nộp là 7.617.600đ; từ ngày 08/9/2017 đến ngày 27/8/2020 lãi quá hạn là 7.809.328đ. Tổng lãi phải nộp là 15.426.928đ; đã thanh toán 7.617.600đ; số lãi còn nợ là: 7.809.328đ;

Ngân hàng đã ra thông báo đôn đốc gia đình bà T có kế hoạch trả nợ nhưng gia đình bà cố tình không thực hiện. Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc hộ bà Tú có nghĩa vụ thanh toán tiền gốc nợ là 67.200.000đ; tiền lãi tính đến ngày xét xử là 15.452.163đ.

\* Tại đơn đề nghị ngày 03/7/2020, bị đơn bà Yên Thị T trình bày: Gia đình còn nợ các khoản vay Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam phòng giao dịch Ngân hàng chính sách huyện Nga Sơn là đúng. Do gia đình bà là hộ nghèo, nên Ngân hàng đã tạo điều kiện cho gia đình vay tiền để con bà được ăn học cũng như để làm nhà ở. Nay do bà thường ốm đau, con bà lại bị tai nạn nên không thể trả được tiền nợ cho Ngân hàng. Bà đề nghị Tòa án và Ngân hàng cho gia đình cơ hội khi có điều kiện sẽ trả nợ cho Ngân hàng.

\* Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Vũ Văn Đ (Vũ Quang Đ), anh Vũ Văn Đ, anh Vũ Văn Q, chị Vũ Diễm H, chị Vũ Việt T sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật. Nhưng ông Đ, anh Đ, anh Q, chị H, chị T cố tình vắng mặt nên không có lời khai trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ chỉ tiến hành được với nguyên đơn và bị đơn, đồng thời Tòa án không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Mặc dù ông Đ, anh Đ, anh Q, chị H, chị T đã được triệu tập họp lệ lần thứ nhất, nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử (HĐXX) quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, Ngân hàng vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị hộ gia đình bà T có trách nhiệm thanh toán số tiền gốc còn nợ là 67.200.000đ; tiền lãi, gồm:

- Theo hợp đồng vay vốn số 6000002700040353 còn nợ là: 3.198.129đ;
- Theo hợp đồng vay vốn số 6000002700040354 còn nợ là: 4.444.706đ;
- Theo Hợp đồng vay vốn số 6600000702360583 còn nợ là: 7.809.328đ;

Tổng tiền lãi từ 3 hợp đồng là 15.452.163đ (*Mười lăm triệu bốn trăm năm hai nghìn một trăm sáu ba đồng*).

Đối với bị đơn bà Yên Thị T vẫn xin Ngân hàng cho thêm thời gian khi nào có điều kiện gia đình bà sẽ trả nợ cho Ngân hàng.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nga Sơn phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Đ, anh Đ, anh Q, chị H, chị T chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Buộc hộ bà Yên Thị T, ông Vũ Văn Đ (Vũ Quang Đ) phải thanh toán tiền nợ gốc là 67.200.000đ; tiền lãi của 03 Hợp đồng vay là 15.452.163đ; Về án phí bà T phải chịu án phí DSST theo quy định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

\* Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nga Sơn.

\* Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu của Nguyên đơn: Ngân hàng sau khi thẩm định và giải ngân cho gia đình bà T vay số tiền từ nguồn vốn sinh viên và nguồn vốn cho hộ cận nghèo. Tổng số tiền gốc là: 86.200.000đ. Quá trình vay gia đình bà T đã trả được 19.000.000, số tiền gốc còn nợ là 67.200.000đ. Do gia đình bà T không có động thái trả nợ khi đến thời hạn thanh toán các khoản nợ vay nên số tiền nợ gốc của các hợp đồng đã chuyển sang nợ quá hạn; về tiền lãi: tính đến ngày 27/8/2020, tiền lãi còn nợ là 15.452.163đ. Ngân hàng yêu cầu hộ gia đình bà T phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc và lãi trên cho Ngân hàng.

[2] Xét yêu cầu của bị đơn: Bà T cho rằng vì điều kiện gia đình gặp khó khăn, bà và các con thường xuyên ốm đau nên không có điều kiện để trả nợ số tiền đã vay từ các nguồn vốn vay như Ngân hàng đang đề nghị. Bà thừa nhận còn nợ Ngân hàng số tiền gốc, lãi cũng như thời gian chậm thanh toán mà Ngân hàng đang yêu cầu. Bà xin Ngân hàng cho gia đình thêm thời gian khi nào có điều kiện sẽ thực hiện việc trả nợ cho Ngân hàng.

[3] Xét việc vay nợ của đương sự: Ngân hàng chính sách xã hội chi nhánh tỉnh Thanh Hóa, phòng giao dịch Nga Sơn cho bà T, ông Đ và các thành viên trong hộ gia đình gồm anh Đ, anh Q, chị H, chị T vay vốn từ các món vay: chương trình cho vay học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn và hộ gia đình cận nghèo là hoàn toàn thực tế. Tổng số tiền vay là 86.200.000đ. Tuy nhiên, tính đến ngày 27/8/2020, số tiền gốc và tiền lãi hộ bà T còn nợ, cụ thể:

- Hợp đồng số 6000002700040353 từ nguồn vốn cho học sinh sinh viên, số tiền gốc còn nợ là 17.200.000đ; tiền lãi tính từ ngày 08/11/2007 đến ngày 27/8/2020, còn phải thanh toán là 3.198.129đ;

- Hợp đồng vay vốn số 6000002700040354; từ nguồn vốn cho học sinh sinh viên, số tiền nợ gốc còn là 20.000.000đ; tiền lãi tính từ ngày 09/3/2011 đến ngày 27/8/2020, còn phải thanh toán là 4.444.706đ;

- Hợp đồng vay vốn số 6600000702360583, từ nguồn vốn cho Hộ cận nghèo, số tiền nợ gốc còn 30.000.000đ; tiền lãi từ ngày 15/9/2014 đến ngày 27/8/2020, còn phải thanh toán là 7.809.328đ.

Do hộ gia đình bà T không có động thái trả nợ như đã cam kết, số lãi trong hạn tại các hợp đồng đã chuyển sang lãi quá hạn. Tổng tiền lãi là 15.452.163đ. Việc bà T nại gia đình khó khăn, xin Ngân hàng khi nào có điều kiện sẽ thực hiện trả nợ cho Ngân hàng là không căn cứ. Vì vậy, yêu cầu của Ngân hàng đề nghị buộc hộ gia đình bà Yên Thị T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và lãi theo các hợp đồng vay vốn là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận. Do đó, buộc hộ gia đình bà T và ông Vũ Văn Đ (Vũ Quang Đ) có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nga Sơn, theo hợp đồng vay vốn số: 6000002700040353; 6000002700040354 và 6600000702360583, tổng số tiền gốc còn nợ là 67.200.000đ và tổng tiền lãi 15.452.163đ.

[4] Về án phí: Bà Yên Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 468 và khoản 2 Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí kèm theo.

#### **Xử:**

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Buộc hộ gia đình bà Yên Thị T và ông Vũ Văn Đ (Vũ Quang Đ) có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Nga Sơn số tiền gốc còn nợ theo các hợp đồng vay số 6000002700040353; 6000002700040354, 6600000702360583, tổng số tiền gốc là 67.200.000đ; tiền lãi là 15.452.163đ. Tổng cộng 82.652.163đ (*Tám hai triệu sáu trăm năm hai nghìn một trăm sáu ba đồng*).

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.*

2/ Về án phí: Bà Yên Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm (DSST) là 4.132.000đ (*Bốn triệu một trăm ba hai nghìn đồng*).

3/ Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt Ngân hàng chính sách xã hội, bà T; vắng mặt ông Đ, anh Đ, anh Q, chị H, chị T. Ngân hàng, bà T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đ, anh Đ, anh Q, chị H, chị T vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Nga Sơn;
- Các đương sự;
- Phòng GD- KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Nga Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

***Lê Thị Huệ***

